

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2022/HS-ST
Ngày: 25-5-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Ngẫu.

Thẩm phán: Bà Lê Thị Thu Trang.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Đồi

2. Ông Nguyễn Văn Hân

3. Ông Lê Thanh Tâm

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Phổ, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Hoàng Quân – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 13/2022/TLST-HS ngày 30 tháng 3 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2022/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 5 năm 2022, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Hoàng V** (tên gọi khác: Nguyễn Văn B), sinh năm 1961, tại tỉnh Tây Ninh; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: ấp C, xã T, huyện T (nay là khu phố C, phường T, thị xã Hòa T), tỉnh N; nơi cư trú hiện nay: tổ 12, khu phố Đ, phường H, thành R, tỉnh T; nghề nghiệp: chạy xe ôm; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Cao đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn Đ (đã chết) và bà Lê Thị Đ; vợ: Trần Thị A, sinh năm 1957; con: không có; tiền án, tiền sự: không có; bị bắt ngày 15-9-2021 theo lệnh truy nã số 11/LTN ngày 13-4-1983 của Phòng Cảnh sát hình sự Công an Tây Ninh; chuyển tạm giữ ngày 16-9-2021, chuyển tạm giam ngày 19-9-2021 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hoàng V: Ông Trần Văn H - Luật sư của Công ty luật Trách nhiệm hữu hạn một thành viên T, thuộc Đoàn luật sư tỉnh N; có mặt.

Bị hại: Bà Lê Thị B, sinh năm 1915 (đã chết).

Đại diện hợp pháp của bị hại Lê Thị B:

1. Bà Nguyễn Thị S (con bà Lê Thị B), sinh năm 1937; cư trú tại: tổ 10, ấp S, xã C, huyện L, tỉnh N;

2. Bà Nguyễn Thị C (con bà Lê Thị B), sinh năm 1944; cư trú tại: số 64/1, ấp B, xã Long N, huyện T (nay là thị xã T), tỉnh N;

3. Ông Nguyễn Văn T (con ông Nguyễn Văn T), sinh năm 1964; cư trú tại: ấp T, xã B, huyện T (nay là khu phố T, phường B, thị xã T), tỉnh N;

4. Bà Nguyễn Thị C (con ông Nguyễn Văn T), sinh năm 1966; cư trú tại: ấp M, xã B, huyện T (nay là khu phố M, phường B, thị xã T), tỉnh N;

5. Bà Nguyễn Thị T (con ông Nguyễn Văn T), sinh năm 1971; cư trú tại: ấp T, xã B, huyện T (nay là khu phố T, phường B, thị xã T), tỉnh N;

6. Bà Nguyễn Thị T (con ông Nguyễn Văn T), sinh năm 1974; cư trú tại: ấp T, xã B, huyện T (nay là khu phố T, phường B, thị xã T), tỉnh N;

7. Ông Nguyễn Văn T (con ông Nguyễn Văn T), sinh năm 1967; cư trú tại: số B1/1, ấp T, xã B, huyện T (nay là khu phố T, phường B, thị xã T), tỉnh N; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị T: ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1967; cư trú tại: số B1/1, ấp T, xã B, huyện T (nay là khu phố T, phường B, thị xã T), N (theo Văn bản ủy quyền ngày 16-12-2019, ngày 23-12-2019 và ngày 28-02-2020); có mặt.

Người làm chứng:

1. Ông Lương Thanh D, sinh năm 1959; cư trú tại: ấp S, xã S, huyện L, tỉnh N; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Ông Lâm Văn H, sinh năm 1959; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: khu phố C, phường T, thị xã T, tỉnh N. Chỗ ở hiện nay: Trại giam C – Bộ Công an. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 24-3-1983, Lương Thanh D bàn bạc thống nhất cùng Nguyễn Văn P đột nhập vào nhà ông Nguyễn Văn T, ngụ ấp T, xã B, huyện T (nay là khu phố T, phường B, thị xã T), tỉnh N (ông T là cậu ruột của D) để không chế người nhà lấy tài sản. Khi cả hai đến sân vận động T thuộc thị trấn T, T (nay là phường H, thị xã T), tỉnh N thì gặp Lâm Văn H và Nguyễn Hoàng V (là bạn quen biết) nên tất cả cùng vào quán gần đó để uống rượu. Trong lúc uống rượu, P và D bàn với H và V đến nhà ông T để chiếm đoạt tài sản thì H và V đồng ý.

Khi đến nơi, D sợ bị phát hiện nên đứng ở ngoài cảnh giới; H, P và V đi vào bằng cổng chính rồi đến cửa hông kê cửa. Lúc này trong nhà có mẹ ông T là bà Lê Thị B và con trai ông T là Nguyễn Văn T, sinh năm 1967 đang ngủ.

Nghe tiếng kêu, bà B ra mở cửa thì P, H, V xông vào nhà. P, V một người không chế bà B, một người lục tìm tài sản, còn H dùng dây điện trói, dùng vải nhét vào miệng của T rồi không chế T trên tấm ván ngủ. Trong lúc không chế bà B, một trong hai người P và V dùng vật rắn đánh vào đầu bà B dẫn tới bà B chết. Sau khi đánh chết bà B và lục tìm tài sản lấy được 01 xe đạp, 02 xấp vải và 01 quần tây dài thì nhóm của H bỏ đi; lúc này, T chạy ra ngoài và tri hô "cướp, cướp". Bị phát hiện, H, V, P, D tẩu thoát bỏ lại hiện trường tài sản đã chiếm đoạt và 01 đèn pin, 01 dao lê, 01 cái búa.

Sau khi gây án, Lâm Văn H, Nguyễn Hoàng V, Lương Thanh D và Nguyễn Văn P bỏ trốn. Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh N đã khởi tố vụ án “Giết người, cướp tài sản” số: 07/QĐ ngày 24-3-1983; ra lệnh truy nã đối với Lâm Văn H, Nguyễn Văn P, Nguyễn Hoàng V, Lương Thanh D.

Ngày 01-7-1997, Lương Thanh D bị bắt theo lệnh truy nã. Tại Bản án Hình sự sơ thẩm số 191/ST-HS ngày 05-6-1998 của Tòa án nhân dân tỉnh N và Bản án Hình sự phúc thẩm số 2290/HSPT ngày 24-12-1998 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử tuyên phạt Lương Thanh D 12 năm tù về tội “Cướp tài sản của công dân”. Hiện tại D đã chấp hành án xong.

Ngày 08-11-2019, Lâm Văn H bị Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Tây Ninh bắt theo Lệnh truy nã. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2020/HS-ST, ngày 06-5-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh N xét xử tuyên phạt Lâm Văn H 12 (mười hai) năm tù về tội “Cướp tài sản của công dân”; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày tạm giữ 09-11-2019. Hiện nay H đang chấp hành án tại Trại giam C – Bộ Công an.

Đối với Nguyễn Hoàng V, sau khi bỏ trốn đổi tên thành Nguyễn Văn B, sinh năm 1954, cưới vợ và cư trú ở quê vợ tại khu phố Đ, phường H, thành phố R, tỉnh T. Ngày 15-9-2021, V bị Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh N bắt theo lệnh truy nã.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, V khai nhận đã thống nhất cùng đồng phạm bàn bạc vào nhà ông T và không chế người nhà ông T để lấy tài sản. Khi vào trong nhà ông T, bị cáo là người không chế đứa bé trai trên bộ ván, còn D, P và H không chế bà B, lục tìm tài sản, còn ai gây ra cái chết cho bà B thì bị cáo không biết. Khi đứa bé (T) vùng vẫy, bỏ chạy và hô la “cướp, cướp”, bị cáo đuổi theo không kịp nên không đuổi nữa và lấy xe đi về nhà. Còn D, H và P có lấy được tài sản gì của nhà ông T hay không thì bị cáo không biết.

* Về định giá tài sản: tại Công văn số 22/HĐĐGTXSTTTTHS ngày 27-12-2019 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Tây Ninh trả lời: Hội đồng không đủ điều kiện cần thiết để tiến hành định giá tài sản trong vụ án theo yêu cầu của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tây Ninh.

Đối với tội danh “Giết người” của Nguyễn Hoàng V, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tây Ninh đã ban hành Quyết định số 05/QĐ-CSHS ngày

14-3-2022 tạm đình chỉ điều tra đối với Nguyễn Hoàng V về tội “Giết người” do chưa bắt được P, khi nào bắt được P sẽ điều tra làm rõ, xử lý sau là có căn cứ.

Tại Bản Cáo trạng số 16/CT-VKS-P2, ngày 28 tháng 3 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đã truy tố bị cáo Nguyễn Hoàng V về tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo V đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng số 16/CT-VKS-P2, ngày 28 tháng 3 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đã truy tố bị cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đề nghị Hội đồng xét xử: căn cứ vào điểm c khoản 4 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng V từ 12 đến 14 năm tù về tội “Cướp tài sản”, đồng thời ghi nhận đại diện hợp pháp của bị hại là ông Nguyễn Văn T không yêu cầu bồi thường thiệt hại.

- Người bào chữa cho bị cáo V trình bày: Bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh truy tố bị cáo Nguyễn Hoàng V về tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng tội. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, nhất thời bị bạn bè rủ rê, lôi kéo nên mới thực hiện hành vi phạm tội. Từ khi vụ án xảy ra, bị cáo bỏ trốn sống tại địa phương nơi cư trú mới tại khu phố Đ, phường H, thị xã R, tỉnh V, bị cáo luôn chấp hành tốt chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, không phạm tội mới; bị cáo tham gia và làm Tổ trưởng Tổ tự quản về an ninh trật tự của nơi bị cáo cư trú nhiều năm liền, được tặng thưởng nhiều giấy khen; đại diện gia đình bị hại xin khoan hồng cho bị cáo vì vụ án xảy ra đã lâu, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo V mức án thấp nhất theo đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

- Trong phần đối đáp, Kiểm sát viên trình bày, bị cáo V được tặng thưởng nhiều giấy khen, Luật sư đề nghị áp dụng điểm v khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo V là không có căn cứ. Bởi vì, điểm v khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự áp dụng cho người phạm tội là người có thành tích xuất sắc trong sản xuất, chiến đấu, học tập hoặc công tác được tặng thưởng huân chương, huy chương, bằng khen, bằng lao động sáng tạo hoặc có sáng chế, phát minh có giá trị hoặc nhiều năm liền được công nhận là chiến sĩ thi đua, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận.

- Bị cáo V không tranh luận bổ sung.

- Lời sau cùng của bị cáo: bị cáo Vũ không nói lời nói sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Tây Ninh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo V thừa nhận, vào ngày 24-3-1983, sau khi được Lương Thanh D và Nguyễn Văn P rủ cùng nhau đột nhập vào nhà ông Nguyễn Văn T (là cậu ruột của D) tại ấp T, xã B, huyện T (nay là khu phố T, phường B, thị xã T) tỉnh N, khống chế người nhà của ông T để lấy tài sản, V và Lâm Văn H đồng ý. Vào khoảng 21 giờ cùng ngày, V cùng D, P và H đến nhà ông T, D ở ngoài cảnh giới, còn V, P và H vào trong nhà ông T, dùng vũ lực khống chế bà Lê Thị B và ông Nguyễn Văn T (là mẹ ruột và con ruột của ông T) để cướp tài sản là 01 xe đạp, 02 xấp vải và 01 quần dài, hậu quả làm bà Lê Thị B chết, khi bị truy đuổi đã bỏ lại tài sản chiếm đoạt được tại hiện trường. Hành vi của bị cáo V cùng các đồng phạm đã phạm tội “Cướp tài sản của công dân”.

[3] Về điều luật áp dụng:

[3.1] Bị cáo V cùng các đồng phạm thực hiện hành vi phạm tội vào ngày 24-3-1983, thời điểm này Pháp lệnh trừng trị các tội xâm phạm tài sản riêng của công dân số 150-LCT ngày 21-10-1970 đang có hiệu lực thi hành. Tại điểm d khoản 2 Điều 3 Pháp lệnh số 150-LCT ngày 21-10-1970 quy định về tội “Cướp tài sản của công dân” quy định khung hình phạt từ 10 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc bị xử tử hình. Đến ngày 27-6-1985, Bộ luật Hình sự năm 1985 có hiệu lực thi hành, thay thế Pháp lệnh số 150-LCT ngày 21-10-1970. Tại điểm c khoản 2 Điều 151 của Bộ luật Hình sự năm 1985 quy định khung hình phạt từ 10 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình. Tại thời điểm xét xử sơ thẩm lần này, Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh truy tố bị cáo Nguyễn Hoàng V theo điểm c khoản 4 Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, có khung hình phạt từ 18 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân.

[3.2] Đối chiếu với quy định tại tiết b.2. mục 2.2 khoản 2 phần 2 Nghị quyết số 04/2004/NQ-HĐTP ngày 05-11-2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định trong phần thứ ba “Xét xử sơ thẩm” của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 thì tội “Cướp tài sản của công dân” theo điểm c khoản 2 Điều 151 của Bộ luật Hình sự năm 1985 là tội nặng hơn so với tội cướp tài sản theo điểm c khoản 4 Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; lẽ ra phải áp dụng điểm c khoản 4

Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xét xử bị cáo.

[3.3] Tuy nhiên, do mức khởi điểm tại điểm c khoản 4 Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (là 18 năm tù), nặng hơn mức khởi điểm tại điểm c khoản 2 Điều 151 của Bộ luật Hình sự năm 1985 (là 10 năm tù) gây bất lợi cho bị cáo khi áp dụng, trong khi đó vận dụng tinh thần tại Nghị quyết số 41/2017/QH14 của Quốc hội sẽ có lợi cho người phạm tội (*Không áp dụng hình phạt tử hình khi xét xử người phạm tội mà Bộ luật Hình sự năm 2015 đã bỏ hình phạt tử hình*).

[3.4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử vừa vận dụng tinh thần Nghị quyết số 41/2017/QH14 của Quốc hội, vừa áp dụng điểm c khoản 2 Điều 151 của Bộ luật Hình sự năm 1985 để xét xử sẽ có lợi cho bị cáo hơn.

[4] Vụ án mang tính chất đặc biệt nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo Vũ là nguy hiểm cho xã hội; vụ án có nhiều người tham gia, có sự bàn bạc thống nhất ý định trước khi bắt tay vào việc thực hiện tội phạm, có chuẩn bị công cụ, phương tiện để gây án, có sự phân công vai trò của từng đồng phạm; hậu quả làm chết một người, gây đau thương cho gia đình nạn nhân. Hành vi này vừa xâm phạm đến quyền sở hữu chính đáng của công dân, vừa xâm phạm đến tính mạng của người khác đồng thời gây mất an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương.

[5] Xét tính chất và mức độ tham gia phạm tội của bị cáo V, thấy rằng: bị cáo được D và P rủ rê tham gia vào vụ án; khi tham gia, bị cáo giữ vai trò tích cực, cùng với P và H vào nhà của ông T; bị cáo cùng P trực tiếp khống chế bà Lê Thị B để lục tiền, vàng và tài sản khác. Bị cáo cùng các đồng phạm đã chiếm đoạt tài sản của gia đình ông T, gồm 01 xe đạp, 02 xấp vải và 01 quần dài, nhưng khi vừa ra khỏi nhà, do ông T tri hô nên tất cả bỏ chạy và bỏ lại tài sản đã chiếm đoạt. Sau khi gây án, bị cáo V bỏ trốn, đổi tên thành Nguyễn Văn B, gây khó khăn cho công tác điều tra, xử lý tội phạm, nên cần phải nghiêm trị.

[6] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt có xem xét, bị cáo có tình tiết tăng nặng là phạm tội có tổ chức (điểm a khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự); trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn nhận tội; trong quá trình sinh sống tại phụ phố Đ, phường H, thành phố R, tỉnh T, bị cáo luôn chấp hành tốt, không vi phạm pháp luật, đặc biệt, bị cáo còn tham gia và làm Tổ trưởng Tổ tự quản về an ninh trật tự của nơi bị cáo cư trú nhiều năm liền, được tặng thưởng nhiều giấy khen; đại diện bị hại cũng xin khoan hồng cho bị cáo vì vụ án xảy ra đã lâu, đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[7] Về bồi thường thiệt hại: đại diện hợp pháp của bị hại là ông Nguyễn Văn T không yêu cầu bồi thường thiệt hại, nên ghi nhận.

[8] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần đề nghị của người bào chữa; chấp nhận một phần đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[9] Về án phí: căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; do bị kết án nên bị cáo Nguyễn Hoàng V phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 151 của Bộ luật Hình sự năm 1985; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng V (tên gọi khác: Nguyễn Văn B) **12 (mười hai) năm tù** về tội “Cướp tài sản của công dân”; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 15-9-2021.

2. Về bồi thường thiệt hại: ghi nhận đại diện hợp pháp của bị hại là ông Nguyễn Văn T không yêu cầu bồi thường thiệt hại.

3. Về án phí: căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Hoàng V (tên gọi khác: Nguyễn Văn B) phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, báo cho bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi nhận:

- Vụ 1 GĐKT. TANDTC;
- TANDCC tại TP. HCM;
- VKSNDCC tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VP. CQCSĐT CA tỉnh;
- Phòng PV 06 CA tỉnh Tây Ninh;
- Cục THADS tỉnh Tây Ninh;
- Trại tạm giam;
- Phòng lý lịch Sở Tư pháp TTN;
- Phòng KTNV. TATTN;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án HSST.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Văn Ngẫu

